

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THUẬN AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17-8-2022

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Huệ.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Ngọc Phương

Ông Nguyễn Hoàng Anh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Phạm Thanh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 416/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 20/2022/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim Th, sinh năm 1975; Có mặt.

Bị đơn: Ông Tống Văn T, sinh năm 1976. Vắng mặt.

- Cùng nơi thường trú: Số 431D, khu phố H, phường N, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Th trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim Th và ông Tống Văn T tự nguyện tìm hiểu, sau đó tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã (nay là phường) N, huyện (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương, theo giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 26 tháng 02 năm 2002. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc. Tuy nhiên, sau một thời gian chung sống vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, sống

không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm. Nay, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Thanh yêu cầu được ly hôn với ông Tâm.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Tổng Khánh A, sinh ngày 22 tháng 01 năm 2002 và Tổng Văn Kh, sinh ngày 10 tháng 4 năm 2003. Do con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Tổng Văn T đã được Tòa án thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng ông Tâm không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Th khởi kiện ông T yêu cầu ly hôn, ông T hiện có đăng ký thường trú và sinh sống tại Số 431D, khu phố H, phường N, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Tổng Văn T theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng ông T không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa. Việc vắng mặt của ông T trong quá trình tố tụng được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim Th và ông Tổng Văn T tự nguyện tìm hiểu chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND xã (nay là

phường) N, huyện (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương, theo giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 26 tháng 02 năm 2002, là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình tố tụng, bà Th xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, dẫn đến hay cãi vã, sống không hạnh phúc. Do đó, bà Thanh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông T.

Xét thấy, mặc dù qua xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân giữa bà Th và ông T chính quyền địa phương không nhận thấy mâu thuẫn gì. Tuy nhiên, quan hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng trong quan hệ vợ chồng thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp của vợ chồng. Nhưng quan hệ hôn nhân giữa bà Th và ông T không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc, vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, quan tâm lẫn nhau, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, bỏ mặc nhau. Tòa án nhiều lần triệu tập ông T tham gia phiên hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nhưng ông T vắng mặt thể hiện thái độ không muốn hòa giải. Mặt khác, bà Th xác định bà không còn tình cảm với ông T, năm 2019 bà Th đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông T nhưng sau đó bà đã rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ nhưng đến nay vẫn không đoàn tụ được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Th về việc ly hôn với ông T.

[3] Về con chung: Bà Th và ông T có 02 con chung tên Tống Khánh A, sinh ngày 22 tháng 01 năm 2002 và Tống Văn Kh, sinh ngày 10 tháng 4 năm 2003. Do con chung đã trưởng thành, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 51; Điều 56; Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Th đối với bị đơn ông Tống Văn T về việc “Ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim Th được ly hôn với ông Tống Văn T.

- Về con chung: Bà Th và ông T có 02 con chung tên Tống Khánh A, sinh ngày 22 tháng 01 năm 2002 và Tống Văn Kh, sinh ngày 10 tháng 4 năm 2003. Do con chung đã trưởng thành, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim Th phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0002476 ngày 17 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Huệ**

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ    THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Huệ**